



BỘ TÀI LIỆU THAM KHẢO KHỐI 1

KỶ THI HỌC BỔNG
NGÔI SAO HÀ NỘI

Lưu hành nội bộ



MỤC LỤC

BỘ ĐỀ THI THAM KHẢO MÔN TOÁN

	Phiếu đề	Lời giải
ĐỀ SỐ 1	03	28
ĐỀ SỐ 2	05	29
ĐỀ SỐ 3	08	30

BỘ ĐỀ THI THAM KHẢO MÔN TIẾNG VIỆT

	Phiếu đề	Lời giải
ĐỀ SỐ 1	11	31
ĐỀ SỐ 2	13	32

BỘ ĐỀ THI THAM KHẢO MÔN TIẾNG ANH

	Phiếu đề	Lời giải
ĐỀ SỐ 1	15	33
ĐỀ SỐ 2	19	34
ĐỀ SỐ 3	23	35



BỘ ĐỀ THI THAM KHẢO KHỐI 1 – MÔN TOÁN

ĐỀ SỐ 1

(Thời gian: 40 phút)

PHẦN I – TRẮC NGHIỆM

(Học sinh chỉ ghi đáp số, không cần giải thích)

ĐỀ BÀI	TRẢ LỜI
BÀI 01. Tính: $A = 68 \text{ cm} + 20 \text{ cm} - 13 \text{ cm}$	
BÀI 02. Số bé nhất trong các số sau: 23; 98; 92; 15; 29	
BÀI 03. $15 + 34 \square 34 - 22$ Dấu thích hợp cần viết vào ô trống là?	
BÀI 04. Số lớn nhất có hai chữ số khác nhau trừ đi số bé nhất có hai chữ số giống nhau thì được kết quả là bao nhiêu?	
BÀI 05. Hà có 15 cái kẹo, mẹ cho Hà thêm 4 cái, Hà cho bạn Hồng 6 cái. Hỏi Hà còn lại bao nhiêu cái kẹo?	
BÀI 06. Có tất cả bao nhiêu số có hai chữ số giống nhau?	
BÀI 07. Hôm nay ngày 15 tháng 5 là ngày Chủ nhật. Hỏi Chủ nhật tuần liền sau là ngày bao nhiêu của tháng 5?	
BÀI 08. Toàn có một số bi xanh và bi đỏ. Biết rằng tổng số bi xanh và bi đỏ của Toàn ít hơn 10, bi đỏ nhiều hơn bi xanh 7 viên. Hỏi Toàn có bao nhiêu bi đỏ?	
BÀI 09. An có 25 quyển vở, số vở của An nhiều hơn số vở của Bình nhưng ít hơn số vở của Chi. Sau khi Chi cho Bình 2 quyển thì số vở của Chi lại ít hơn số vở của An. Hỏi Chi có bao nhiêu quyển vở?	
BÀI 10. Quan sát hình vẽ và trả lời câu hỏi: Số thích hợp cần viết vào x, y là: <pre> y x 21 13 10 10 11 2 8</pre>	$x = \dots$ $y = \dots$



BỘ ĐỀ THI THAM KHẢO KHỐI 1 – MÔN TOÁN

ĐỀ SỐ 1

(Thời gian: 40 phút)

PHẦN II – TỰ LUẬN

(Học sinh trình bày chi tiết bài giải)

BÀI 01. Hộp đỏ có 15 viên bi, hộp xanh có 23 viên bi. Bạn An cho thêm vào hộp đỏ 10 viên bi và lấy bớt đi ở hộp xanh một chục viên bi. Hỏi lúc này ở hai hộp có tất cả bao nhiêu viên bi?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

BÀI 02. Trên sân có cả gà và thỏ. Bạn Bình đếm được cả thỏ và gà có 4 cái đầu. Hỏi có bao nhiêu cái chân gà? Biết số đầu thỏ ít hơn số đầu gà.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....



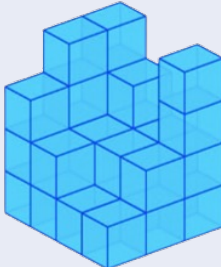
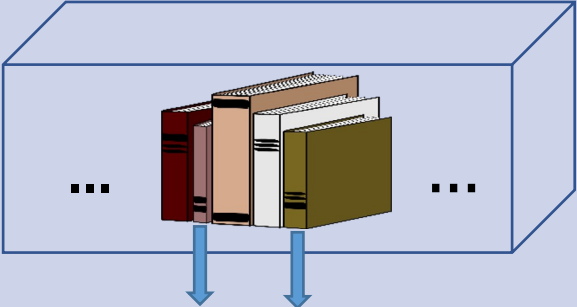
BỘ ĐỀ THI THAM KHẢO KHỐI 1 – MÔN TOÁN

ĐỀ SỐ 2

(Thời gian: 40 phút)

PHẦN I – TRẮC NGHIỆM

(Học sinh chỉ ghi đáp số, không cần giải thích)

ĐỀ BÀI	TRẢ LỜI
<p>BÀI 01. Trong 4 phép tính sau, phép tính nào đúng? A. $8 - 6 = 1$ B. $7 = 8 - 1$ C. $8 - 1 = 6$ D. $7 = 1 + 4$</p>	
<p>BÀI 02. Có bao nhiêu số bé hơn 20 trong các số sau: 10; 12; 19; 22; 24; 32; 41</p>	
<p>BÀI 03. Viết các số 4, 5, 9 hoặc 18 vào ô trống để được phép tính đúng. Biết mỗi số chỉ sử dụng một lần.</p> $\square + \square = \square - \square$ <p>Phép tính đúng là?</p>	
<p>BÀI 04. Hình vẽ dưới đây có khối lập phương nhỏ?</p> 	
<p>BÀI 05. Giá sách ở hình dưới đây có bao nhiêu quyển sách?</p>  <p>Đây là quyển thứ tám từ bên phải sang</p> <p>Đây là quyển thứ sáu từ bên trái sang</p>	

ĐỀ SỐ 2

(Thời gian: 40 phút)

PHẦN I – TRẮC NGHIỆM

(Học sinh chỉ ghi đáp số, không cần giải thích)

ĐỀ BÀI	TRẢ LỜI
<p>BÀI 06. Cần thay đổi vị trí của ít nhất bao nhiêu quả bóng ở hình A (giữ nguyên các quả bóng còn lại) để được hình B?</p> <div style="text-align: center;"> <p>Hình A Hình B</p> </div>	
<p>BÀI 07. Cần bao nhiêu con gà đặt vào dấu ? để cân thăng bằng?</p> <div style="text-align: center;"> <p>? con gà con</p> </div>	
<p>BÀI 08. Hàng 1 ♥♥ Hàng 2 ♥♥♥ Hàng 3 ♥♥♥♥ Hàng 4 ♥♥♥♥♥ Cứ tiếp tục như vậy, hàng 5 có tất cả bao nhiêu ♥ ?</p>	
<p>BÀI 09. Hình vẽ bên có bao nhiêu hình tròn?</p> <div style="text-align: center;"> </div>	
<p>BÀI 10. Hình vẽ bên có bao nhiêu hình vuông?</p> <div style="text-align: center;"> </div>	

ĐỀ SỐ 2

(Thời gian: 40 phút)

PHẦN II – TỰ LUẬN

(Học sinh trình bày chi tiết bài giải)

BÀI 01. Tìm giá trị của \bigcirc và \square viết vào chỗ trống để được kết quả đúng:

$$\bigcirc + \square = 3$$

$$\bigcirc + \square + \square = 5$$

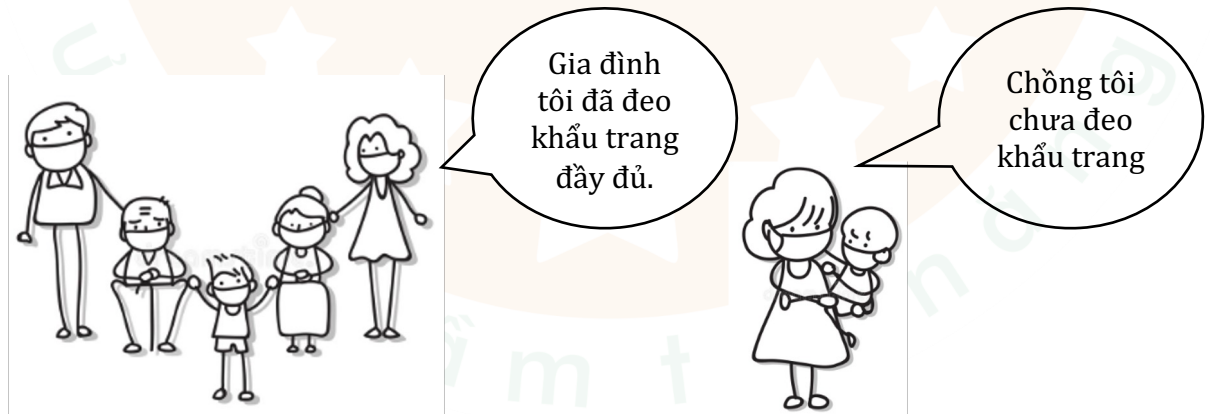
.....

.....

.....

.....

BÀI 02. Có tất cả 10 cái khẩu trang được phát cho 2 gia đình. Hỏi còn lại bao nhiêu cái khẩu trang chưa phát? Viết phép tính thích hợp.



Phép tính là:

.....

Trả lời: Còn lại cái khẩu trang chưa phát.

ĐỀ SỐ 3

(Thời gian: 40 phút)

PHẦN I – TRẮC NGHIỆM

(Học sinh chỉ ghi đáp số, không cần giải thích)

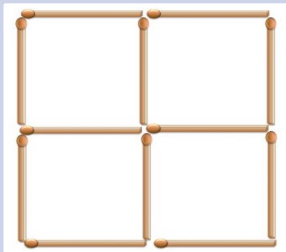
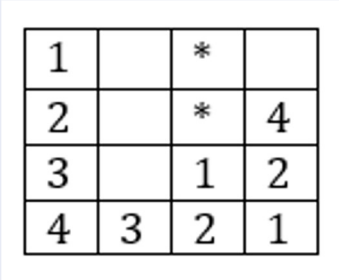
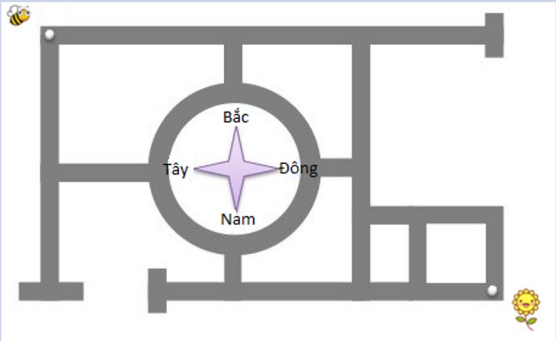
ĐỀ BÀI	TRẢ LỜI																									
<p>BÀI 01. Có tất cả bao nhiêu quả táo?</p>																										
<p>BÀI 02. Tính: $5 + 11 + 3 = ?$</p>																										
<p>BÀI 03. Hai hộp có hai chục cái bánh. Hộp thứ nhất không có cái bánh nào. Hỏi hộp thứ hai có bao nhiêu cái bánh?</p>																										
<p>BÀI 04. Hình vẽ bên có bao nhiêu hình tam giác?</p>																										
<p>BÀI 05. Cô giáo có 19 quyển vở, cô tặng bạn Mai một số vở và cô còn lại 7 quyển vở. Mai lại được mẹ tặng thêm 5 quyển vở nữa. Hỏi Mai có tất cả bao nhiêu quyển vở?</p>																										
<p>BÀI 06. Hà Anh đang diện một chiếc váy, buộc tóc hai bên và cầm một bông hoa trên tay trái. Hỏi Hà Anh ở đâu trong số những bức tranh bên dưới?</p>																										
<p>BÀI 07. Số xuất hiện nhiều nhất trong bảng là số nào?</p> <table border="1" style="margin-left: auto; margin-right: auto;"> <tbody> <tr> <td>1</td> <td>2</td> <td>3</td> <td>4</td> <td>5</td> </tr> <tr> <td>2</td> <td>3</td> <td>4</td> <td>5</td> <td>6</td> </tr> <tr> <td>3</td> <td>4</td> <td>5</td> <td>6</td> <td>7</td> </tr> <tr> <td>4</td> <td>5</td> <td>6</td> <td>7</td> <td>5</td> </tr> <tr> <td>6</td> <td>7</td> <td>8</td> <td>9</td> <td>10</td> </tr> </tbody> </table>	1	2	3	4	5	2	3	4	5	6	3	4	5	6	7	4	5	6	7	5	6	7	8	9	10	
1	2	3	4	5																						
2	3	4	5	6																						
3	4	5	6	7																						
4	5	6	7	5																						
6	7	8	9	10																						

ĐỀ SỐ 3

(Thời gian: 40 phút)

PHẦN I – TRẮC NGHIỆM

(Học sinh chỉ ghi đáp số, không cần giải thích)

ĐỀ BÀI	TRẢ LỜI
<p>BÀI 08. Trong hình sau, các que diêm được xếp thành 4 hình vuông nhỏ và một hình vuông lớn. Cần bỏ đi ít nhất bao nhiêu que diêm để các que diêm ở vị trí còn lại không tạo thành hình vuông nào?</p> 	
<p>BÀI 09. Mỗi ô vuông được điền một trong các số 1, 2, 3, 4 sao cho mỗi số chỉ xuất hiện một lần trong mỗi cột, mỗi hàng. Cộng hai số ở dấu * ta được kết quả là bao nhiêu?</p> 	
<p>BÀI 10. Có bao nhiêu cách để con ong bay đến bông hoa biết rằng nó không thể bay theo hướng Bắc hoặc hướng Tây?</p> 	



BỘ ĐỀ THI THAM KHẢO KHỐI 1 – MÔN TOÁN

ĐỀ SỐ 3

(Thời gian: 40 phút)

PHẦN II – TỰ LUẬN

(Học sinh trình bày chi tiết bài giải)

BÀI 01. Viết phép tính thích hợp.

Trên xe: 13 người

Lên xe: 2 người

Xuống xe: 3 người

Có tất cả: ... người?

Phép tính :

BÀI 02. Bốn người bạn Tuấn, Tú, Tùng và Tuệ có tổng cộng 8 cây bút màu, trong đó có 2 màu cây đỏ, 2 cây màu xanh lá, 2 cây màu xanh biển và 2 cây màu vàng. Khi chơi đùa, họ làm lẫn bút màu với nhau. Hiện mỗi người có 2 cây không trùng màu. Một trong bốn người có một cây màu vàng và một cây màu xanh biển, một người khác có một cây màu xanh lá và một cây màu xanh biển. Tuấn không có cây màu vàng. Tùng có cây màu xanh lá nhưng không có cây màu đỏ. Tú có một cây màu vàng. Tuệ có cây màu xanh biển nhưng không có cây màu xanh lá. Hỏi mỗi người có những cây bút màu nào?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....



BỘ ĐỀ THI THAM KHẢO KHỐI 1 – MÔN TIẾNG VIỆT

ĐỀ SỐ 1

(Thời gian: 40 phút)

BÀI 01. Đọc bài thơ sau:

Chú chim sâu

(1) Lông mượt mà, mỏ nhỏ

Đôi chân chuyền siêng năng

Chim sâu luôn dậy sớm

Gọi em cùng đánh răng

(2) Chim bắt sâu giỏi lắm

Vừa bắt vừa hát hay

Chồi non ươm mưa nắng

Cứ lớn lên từng ngày

(3) Khuyên bé hãy như chim

Siêng quét nhà, rửa bát

Giúp bố mẹ đỡ phiền

Miệng vui luôn ca hát.

Khoanh vào chữ cái trước đáp án đúng hoặc làm theo yêu cầu:

1. Chim sâu có hình dáng như thế nào?

A. Lông mượt, mỏ nhỏ.

B. Lông vàng, mỏ nhỏ.

C. Chân nhỏ, lông mượt

2. Chim sâu dậy sớm để làm gì?

A. Tập thể dục và đánh răng.

B. Gọi bạn nhỏ dậy đánh răng.

C. Ra vườn bắt sâu cho cây

3. Công việc chim sâu làm rất giỏi là gì?

A. Bắt sâu

B. Hát

C. Đánh răng

4. Bài thơ khuyên bé học theo chim sâu làm những việc gì?

A. Bắt sâu cho cây trong vườn

B. Chăm quét nhà rửa bát

C. Tập luyện để có giọng hát hay

5. Viết lại câu thơ cho thấy chim sâu làm việc với thái độ rất vui vẻ

.....
.....

6. Em thấy chú chim sâu trong bài có những tính cách tốt nào?

.....
.....



BỘ ĐỀ THI THAM KHẢO KHỐI 1 – MÔN TIẾNG VIỆT

BÀI 02. Tìm từ có âm đầu là *ng* hoặc *ngh*, theo gợi ý sau:

a) Tên gọi con trâu lúc còn nhỏ

.....
.....

b) Tên gọi một loại cây lương thực

.....
.....

c) Tên một loài cây gia vị có củ màu vàng

.....
.....

d) Tên một loài cá nước mặn

.....
.....

BÀI 03. Gạch dưới từ ngữ viết sai chính tả và viết lại từ ngữ đó xuống dòng dưới.

a) Mùa xuân đến, cây cối đâm trời, lầy lộc.

.....
.....

b) Mưa bụi giăng chên mặt hồ mờ ảo như xương khói.

.....
.....

BÀI 04. Viết câu theo yêu cầu sau:

a) Giới thiệu về quê nội của em.

.....
.....

b) Giải thích lí do em thích một loài hoa có trong mùa xuân.

.....
.....

c) Nói về cảm xúc của em sau khi đọc một câu chuyện cổ tích.

.....
.....



BỘ ĐỀ THI THAM KHẢO KHỐI 1 – MÔN TIẾNG VIỆT

ĐỀ SỐ 2

(Thời gian: 40 phút)

BÀI 01. Đọc bài thơ sau:

Ông em tóc bạc

Chuyện vui như Tết

Trắng muốt như tơ

Chuyện đẹp như mơ

Ông em kể chuyện

Em ngồi nghe chuyện

Ngày xưa ngày xưa.

Mê mãi say sưa...

Khoanh vào chữ cái trước đáp án đúng hoặc làm theo yêu cầu:

1. Từ ngữ nào miêu tả mái tóc của ông?

A. Trắng như cước

B. Trắng muốt như tơ

C. Trắng như mây

2. Những câu chuyện ông kể có đặc điểm gì?

A. Chuyện hài hước

B. Chuyện cổ tích

C. Chuyện vui và đẹp

3. Viết lại câu thơ cho thấy bạn nhỏ rất thích nghe ông kể chuyện?

.....
.....

4. Em hiểu “Chuyện vui như Tết” có nghĩa là thế nào?

A. Chuyện ông kể rất vui như là mỗi khi Tết đến

B. Chuyện ông kể là chuyện của ngày Tết

C. Chuyện ông kể liên quan đến Tết

5. Em thấy tình cảm bạn nhỏ dành cho ông như thế nào? Vì sao bạn lại dành cho ông tình cảm ấy? Viết câu trả lời xuống dòng dưới.

.....
.....
.....

BÀI 02. Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng.

1. Chữ cái ‘r’ có thể đứng trước vần nào dưới đây để được từ có nghĩa?

A. uôn

B. ươn

C. ương

2. Tiếng nào có thể điền tất cả các dấu thanh đều được từ có nghĩa?

A. lan

B. nong

C. ba

3. Tiếng “ghi” có thể thêm dấu thanh nào để được từ có nghĩa?

A. Huyền

B. Ngã

C. Hỏi



BỘ ĐỀ THI THAM KHẢO KHỐI 1 – MÔN TIẾNG VIỆT

BÀI 03. Tìm từ có âm đầu là *tr*, có nghĩa như sau:

- a) Vỏ của hạt thóc:
- b) Tên một loại cây có lá ăn với cau, thường dùng trong cưới hỏi:.....

BÀI 04. Gạch chân từ viết sai chính tả và viết lại cho đúng sang bên cạnh.

- a) Tiếng khóc lí lon, mỗi lúc nghe một rõ hơn:.....
- b) Tiếng chim kêu dứ dít trên cành cây:

BÀI 05. Viết câu theo yêu cầu sau:

- a) Nói về một loại rau cải có âm đầu là *x*:
.....
- b) Nói về một loại quả có âm đầu là *s*:
.....
- c) Nói về độ chín của quả có âm đầu là *n*:
.....
- d) Nói về thời tiết, có âm đầu là *l*:
.....













TEST 1

(Time: 40 minutes)


PART A: MULTIPLE CHOICE




I. Write the letter A, B, C or D on your answer sheet to choose the words with "b" pronounced as the "b" in "ball".

Example: A.  ball B.  apple C.  cat D.  hat

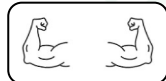




1. A.  jacket B.  crayon C.  frog D.  bird
2. A.  chair B.  bike C.  leg D.  cloud
3. A.  shoes B.  flower C.  bananas D.  pants

II. Write the letter A, B, C or D on your answer sheet to choose the correct sounds of the beginning letters.

Example:  A. /p/ B. /b/ C. /f/ D. /h/

4.  A. /d/ B. /t/ C. /l/ D. /k/
5.  A. /m/ B. /f/ C. /s/ D. /t/
6.  A. /n/ B. /h/ C. /p/ D. /e/

III. Look - Write the letter A, B, C, or D on your answer sheet to choose the correct word for each picture.

7.  A. legs B. arms C. hands D. ears
8.  A. truck B. train C. bike D. puzzle
9.  A. cooking B. sleeping C. eating D. taking a bath
10.  A. cookie B. hamburger C. sandwich D. lemonade
11.  A. shirts B. socks C. gloves D. scarf



PHẦN LỜI GIẢI – MÔN TIẾNG ANH

TEST 1

(Time: 40 minutes)

IV. Write the letter A, B, C, or D on your answer sheet to choose the odd one out.

12. A. lemonade B. tea C. milk D. orange
13. A. crayon B. pencil C. purple D. marker
14. A. old B. bush C. tall D. big
15. A. dining room B. watching TV. C. cooking D. playing games

V. Choose the letter A, B, C, or D and write on your answer sheet to indicate the correct answer to each of the following questions.

16. _____ there a table in the dining room?
A. What B. Do C. Is D. Are
17. _____ is your T-shirt? - It's yellow.
A. Who B. Where C. How many D. What color
18. _____ are my purple shoes.
A. Those B. This C. That D. What
19. Does your brother _____ a kite? - No, he doesn't. He _____ a robot.
A. wants / want B. want / wants C. wants / wants D. want / want
20. _____ elephants jump? - No, they can't.
A. Are B. Do C. Does D. Can
21. How many crayons _____ on the desk? - There are five.
A. are there B. there are C. is there D. there is
22. What is your mother _____ now? - A green dress.
A. wear B. wearing C. wears D. to wear
23. How many _____ are there on the table? - There is one.
A. sandwich B. sandwiches C. sandwiches D. a sandwich






VI. Choose the letter A, B, C, or D to write on your answer sheet to indicate the most suitable response to complete each of the following exchanges.

24. Janet: "Hi Jane! It's my birthday today."
A. Oh! She's nice.
C. Look! My hair is brown.
- Jane: "_____."
B. Happy birthday!
D. Put away your clothes.
25. Janet: "Mom! I'm hungry." - Mom: "_____"
A. OK. Let's drink water and juice.
C. Wow! Take care of your new clothes.
- B. OK. Let's eat chips and fis
D. OK. Share your toys with your friends.

TEST 1

(Time: 40 minutes)

VII. Look at the picture. Read and write the letter A, B or C on your answer sheet to choose the correct sentence for each picture.

- | | | |
|-----|---|--|
| 26. |  | <p>A. There are three pencils on the chair.</p> <p>B. I'm sitting on the chair.</p> <p>C. I have three chairs.</p> |
| 27. |  | <p>A. Wash your body.</p> <p>B. Wash your hands.</p> <p>C. Drink water and juice.</p> |
| 28. |  | <p>A. The man is eating on the sofa.</p> <p>B. The man is cleaning the TV.</p> <p>C. The man is watching T.V</p> |
| 29. |  | <p>A. He's washing face in the bathroom.</p> <p>B. He's cooking in the kitchen.</p> <p>C. He's taking a bath in the tub.</p> |
| 30. |  | <p>A. He isn't thirsty.</p> <p>B. He wants to drink some water.</p> <p>C. He likes rice and chicken.</p> |

VIII. Read the passage and write the letter A, B, C, or D on your answer sheet to choose the correct answer for each question.

Jill Ben Kim



Hi! I'm Ben. Look at this photo. Here are two friends of mine. They are Jill and Kim. Jill is short. Her hair is (31) _____, too. Kim is tall. (32) _____ has long hair. Jill is wearing a (33) _____ and jeans. Kim is wearing a blouse and a (34) _____. We always (35) _____ food and toys. We like watching cartoons together.

- | | | | | |
|-----|-----------|-------------|-------------|----------|
| 31. | A. short | B. long | C. old | D. young |
| 32. | A. He | B. It | C. She | D. I |
| 33. | A. jacket | B. T- shirt | C. raincoat | D. dress |
| 34. | A. scarf | B. shoes | C. hat | D. skirt |
| 35. | A. share | B. drink | C. walk | D. can |

TEST 1

(Time: 40 minutes)

PART B: WRITING

Write the correct sentence on your answer sheet to answer each question.

They're reading a book.

He can brush his teeth.

These are my gloves.

No, she isn't. She's jumping.

There are three frogs on the log.

He wants a hamburger.

Yes, it does.

She's wearing a dress.

It's sleeping in the cushion.

They're in the toy box.

36. How many frogs are there on the log?



41. What are the boys and the girls doing?



37. What is she wearing?



42. What can he do?



38. Does a giraffe have a long neck?



43. Is she sleeping?



39. What is the cat doing?



44. Where are these toys?



40. What does he want?



45. What are these?









TEST 2

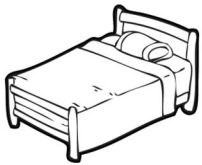

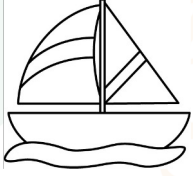


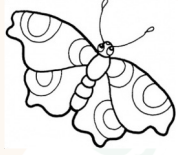
(Time: 40 minutes)

PART A

I. Circle the correct word for each picture. There is one example.

- | | | | | | |
|----|--|-------------|----------|---------|---|
| 0. | <input checked="" type="radio"/> A. frog | B. cow | C. chick | D. hen |  |
| 1. | A. flower | B. bush | C. river | D. star |  |
| 2. | A. head | B. hand | C. hair | D. hat |  |
| 3. | A. foot | B. tooth | C. teeth | D. feet |  |
| 4. | A. orange juice | B. lemonade | C. milk | D. tea |  |
| 5. | A. clock | B. bed | C. ball | D. box |  |

II. Look. Read and circle the correct sound. There is one example.

- | | | | | | |
|----|---|----|---|-----|---|
| 0. |  | 6. |  | 7. |  |
| | <input checked="" type="radio"/> b h p | | f <input checked="" type="radio"/> p a | | b v h |
| 8. |  | 9. |  | 10. |  |
| | l e s | | b s e | | b a k |

III. Circle A, B, C or D to choose the odd one out. There is one example.

- | | | | | |
|-----|------------|----------------|-------------|--|
| 0. | A. meat | B. chicken | C. fish | <input checked="" type="radio"/> D. tomato |
| 11. | A. shoes | B. shirt | C. coat | D. T-shirt |
| 12. | A. father | B. grandfather | C. mother | D. paper |
| 13. | A. kitchen | B. living room | C. bedroom | D. chicken |
| 14. | A. tree | B. bird | C. kangaroo | D. dog |
| 15. | A. pencil | B. water | C. pen | D. eraser |

TEST 2





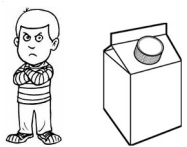

(Time: 40 minutes)

PART B

I. Circle the correct word for each picture. There is one example.

0. What this? It's a cat.
 A. am **B. is** C. are. D. have
16. these your tops?
 A. Are B. Is C. That D. Those
17. this your puzzle?
 A. Are B. Is C. That D. Those
18. I a car.
 A. are B. is C. want D. wants
19. He apples.
 A. like B. is C. likes D. are
20. My family small.
 A. is B. has C. likes D. wants

II. Read. Match the correct pictures with sentences. There is one example.

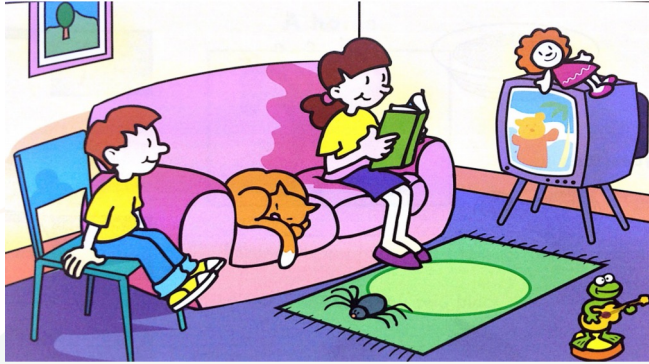
0. My mother is cooking. • • A. 
21. She can run. • • B. 
22. The butterfly is on the flower. • • C. 
23. Those are my shoes. • • D. 
24. He doesn't like milk. • • E. 
25. His eyes are big. • • F. 

TEST 2

(Time: 40 minutes)

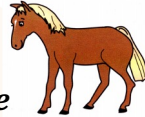
PART C

I. Look and read. Circle "Yes" or "No". There is one example.











- | | | | |
|-----|------------------------------------|--------------------------------------|--------------------------|
| 0. | The girl is reading a book. | <input checked="" type="radio"/> Yes | <input type="radio"/> No |
| 26. | The boy is sitting in an armchair. | <input type="radio"/> Yes | <input type="radio"/> No |
| 27. | The frog has got a guitar. | <input type="radio"/> Yes | <input type="radio"/> No |
| 28. | There is a doll on the television. | <input type="radio"/> Yes | <input type="radio"/> No |
| 29. | The cat is under the sofa. | <input type="radio"/> Yes | <input type="radio"/> No |
| 30. | The girl is reading a book. | <input type="radio"/> Yes | <input type="radio"/> No |

II. Read. Choose a word from the box. Write the correct word next to number 1-5. There is one example.



A horse

I am an (0) animal. I stand on my four long (31) _____ and I have a beautiful long tail too. I see with my two black (32) _____. I like eating lots of things, for example (33) _____ and apples. I drink lots of (34) _____ in the day. Men, women and (35) _____ like riding me. What am I? I am a horse.

example			
			
animal	jacket	carrots	legs
			
water	eyes	pencil	children

TEST 2

(Time: 40 minutes)

PART D

I. Look. Rearrange the sentences. Write. There is one example

0. car / It's / a / . /



It's a car.

36. socks / these / your / Are / ? /



.....

37. grandfather / Is / young / the / ? /



.....

38. desk / is / lamp / The / on / . /



.....

39. swim / can / He / . /



.....

40. he / Does / sandwiches / like / ? /



.....

II. Look, read and write the answers. There is one example.

0. What is it?



It's a car.

41. What are they?



.....

42. Is she old?



.....

43. How many crayons are there?



.....

44. What can he do?



.....

45. What's she doing?



.....

TEST 3

(Time: 40 minutes)





PART A: MULTIPLE CHOICE

I. Circle A, B, C or D to choose the words with "a" pronounced as the "a" in "cat"


Example: A.  hat B.  bike C.  baby D.  ball

1. A.  pants B.  crayon C.  car D.  horse


2. A.  top B.  apple C.  plane D.  bird

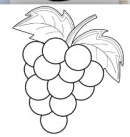
3. A.  cloud B.  flowers C.  cake D.  lamp

II. Write the letter A, B, C or D on your answer sheet to choose the correct sounds of the beginning letters.


Example:  A. /p/ B. /b/ C. /f/ D. /h/

4.  A. /h/ B. /r/ C. /w/ D. /t/


5.  A. /m/ B. /p/ C. /s/ D. /l/


6.  A. /n/ B. /m/ C. /o/ D. /g/


III. Look - Circle A, B, C, or D to choose the correct word for each picture.

7.  A. gose B. goat C. pig D. giraffe

8.  A. cloudy B. rainy C. sunny D. windy

9.  A. cooking B. sleeping C. eating D. taking a bath

10.  A. candy B. hamburger C. sandwich D. pizza

11.  A. river B. rock C. drum D. scarf



PHẦN LỜI GIẢI - MÔN TIẾNG ANH

TEST 3

(Time: 40 minutes)

IV. Circle A, B, C, or D to choose the odd one out.

12. A. cooking B. drinking C. eating D. evening
13. A. teddy bear B. pencil C. purple D. goat
14. A. small B. young C. milk D. tall
15. A. dining room B. living room. C. classroom D. bathroom

V. Circle A, B, C or D to choose the correct answer.

16. What _____ your sister wearing? - A red T-shirt.
A. are B. do C. is D. go
17. _____ is your grandmother? - She's in the bedroom.
A. Where B. Who C. What D. How
18. My _____ has a scooter.
A. brother B. brothers C. name D. children
19. Are these Jimmy's robots? - No, _____.
A. these are B. it isn't C. they aren't D. there aren't
20. What is your favorite _____? - Fish and chips.
A. food B. drink C. book D. animal
21. How many _____ are there on the desk? - There is one.
A. a crayon B. crayons C. crayon D. some crayons
22. _____ is your shirt? - Blue.
A. How many B. What color C. Where D. How old
23. What _____ Tom want for breakfast? - Bread and milk.
A. do B. does C. is D. color

VI. Circle A, B, C, or D to choose the most suitable response to complete each of the following exchanges.

24. Sue: "Hi Linda! I have a new book." - Linda: "_____."
A. Oh! Put your toys away. B. Let's go!
C. Look! It's sunny. D. Wow! Let's read.
25. Sue: "Mom! I'm thirsty." - Mom: "_____"
A. OK. Let's drink water and juice. B. OK. Let's eat chips and fish.
C. Wow! Let's play. D. OK. Share your cake with your friends.

TEST 3

(Time: 40 minutes)

VII. Look at the picture. Read and circle A, B or C to choose the correct sentence for each picture.

26.



- A. This is a desk.
- B. The toys are in the closet.
- C. There are some clothes in the closet.
- D. These are closets.

27.



- A. He's washing his face.
- B. He's washing his hands.
- C. He's drinking water.
- D. He's clapping hands.

28.



- A. The man is sleeping on the sofa.
- B. There are some books under the shelf.
- C. They are reading a book.
- D. There are books on the shelf.

29.



- A. Her mother is cooking in the kitchen.
- B. Her mother is reading a cooking book.
- C. The daughter is cooking in the bathroom.
- D. They are watching T.V in the kitchen.

30.



- A. He's walking to school.
- B. He wants to drink some water.
- C. He's wearing a jacket and pants.
- D. He's running fast.

TEST 3

(Time: 40 minutes)

VIII. Read the passage and circle A, B, C, or D to choose the correct answer for each blank.



Tim Peter Tomi

Hi! I'm Ben. Look at this photo. Here are two friends of mine. They are Peter and Tim. Tim is (31)_____. He is wearing a T- shirt and (32)_____. Peter is (33)_____. He is wearing a (34)_____ and shorts. And this is my dog, Tomi. It's big and nice. We (35)_____ to play with Tomi after school.

- | | | | | |
|-----|-------------|-------------|-------------|-----------------|
| 31. | A. drinking | B. walking | C. sleeping | D. reading |
| 32. | A. skirts | B. scarf | C. shoes | D. hat |
| 33. | A. jumping | B. jump | C. coloring | D. watching T.V |
| 34. | A. jacket | B. T- shirt | C. coat | D. dress |
| 35. | A. like | B. goes | C. are | D. can |

PART B

I. Circle the correct questions and write. There is one example.

<p>How many gloves are there?</p> <p>Are the boy and the girl reading a book?</p> <p>What does he want?</p>	<p>What's this?</p> <p>Where are the frogs?</p> <p>What is the cat doing?</p>
---	--



.....Where are the frogs?

- The frogs are on the log.



.....

- Yes, they are.



.....

- It's sleeping in the cushion.



.....

- There are four gloves.

TEST 3

(Time: 40 minutes)

39.



40.



.....
- It's a giraffe.

.....
- He wants a hamburger.

II. Reorder the words to make the correct the sentences. There is one example.

Example: **color / the / is / box? / What / toy /**

-> *What color is the toy box?.*

41. a / sing / She / likes / to / song. /

42. dress. / wearing / Jane / is / blue / a /

43. Jack / Does / train? / a / want /

44. face / He's / bathroom. / washing / in / his / the /

45. are / How many / table? / apples / on / there / the /



PHẦN LỜI GIẢI – MÔN TOÁN

ĐỀ SỐ 1

PHẦN I – TRẮC NGHIỆM

BÀI 01. 75 cm

BÀI 02. 15

BÀI 03. >

BÀI 04. 87

BÀI 05. 13 cái kẹo

BÀI 06. 9 số

BÀI 07. 22

BÀI 08. 8 viên

BÀI 09. 26 quyển vở

BÀI 10. $x = 34; y = 57$

PHẦN II – TỰ LUẬN

BÀI 01. Hộp đỏ có 15 viên bi, hộp xanh có 23 viên bi. Bạn An cho thêm vào hộp đỏ 10 viên bi và lấy bớt đi ở hộp xanh một chục viên bi. Hỏi lúc này ở hai hộp có tất cả bao nhiêu viên bi?

Bài giải

$$1 \text{ chục} = 10$$

Bạn An cho thêm vào hộp đỏ 10 viên bi và lấy bớt đi ở hộp xanh một chục viên bi thì tổng số bi không của hai hộp không thay đổi.

$$\text{Tổng số bi của hai hộp vẫn là: } 15 + 23 = 38 \text{ (viên)}$$

Đáp số: 38 viên bi.

BÀI 02. Trên sân có cả gà và thỏ. Bạn Bình đếm được cả thỏ và gà có 4 cái đầu. Hỏi có bao nhiêu cái chân gà? Biết số đầu thỏ ít hơn số đầu gà.

Bài giải

$$\text{Ta thấy } 4 = 2 + 2 = 3 + 1$$

Vì số đầu thỏ ít hơn số đầu gà nên có 1 đầu thỏ và 3 đầu gà.

1 con gà có hai cái chân. Có số cái chân gà là:

$$2 + 2 + 2 = 6 \text{ (cái chân)}$$

Đáp số: 6 cái chân gà

ĐỀ SỐ 2

PHẦN I - TRẮC NGHIỆM

BÀI 01. B

BÀI 02. 3

BÀI 03. $4 + 5 = 18 - 9$; $9 + 5 = 18 - 4$; $9 + 4 = 18 - 5$

BÀI 04. 30

BÀI 05. 10

BÀI 06. 3

BÀI 07. 10

BÀI 08. 9

BÀI 09. 5

BÀI 10. 10 hình vuông

PHẦN I - TỰ LUẬN

BÀI 01. Tìm giá trị của và viết vào chỗ trống để được kết quả đúng:

Phép tính là: $1 + 2 = 3$ (1 điểm)

$1 + 2 + 2 = 5$ (1,5 điểm)

BÀI 02. Có tất cả 10 cái khẩu trang được phát cho 2 gia đình. Hỏi còn lại bao nhiêu cái khẩu trang chưa phát? Viết phép tính thích hợp.



Phép tính là:

$10 - 5 - 2 - 1 = 2$ hoặc $10 - 5 - 3 = 2$

Trả lời: Còn lại 2 cái khẩu trang chưa phát.



ĐỀ SỐ 3

PHẦN I – TRẮC NGHIỆM

BÀI 01. 11 quả

BÀI 02. 19

BÀI 03. 20

BÀI 04. 12 hình

BÀI 05. 17 quyển

BÀI 06. C

BÀI 07. 5

BÀI 08. ít nhất 3 que

BÀI 09. 7

BÀI 10. 7

PHẦN II – TỰ LUẬN

BÀI 01. Viết phép tính thích hợp:

Trên xe: 13 người

Lên: 2 người

Xuống: 3 người

Có tất cả: người?

Phép tính là: $13 + 2 - 3 = 12$

BÀI 02. Bốn người bạn Tuấn, Tú, Tùng và Tuệ có tổng cộng 8 cây bút màu, trong đó có 2 cây đỏ, 2 cây xanh lá, 2 cây xanh biển và 2 cây vàng. Khi chơi đùa, họ làm lẫn bút màu với nhau. Hiện mỗi người có 2 cây không trùng màu. Một trong bốn người có một cây vàng và một cây xanh biển, một người khác có một cây xanh lá và một cây xanh biển. Tuấn không có cây màu vàng. Tùng có cây màu xanh lá nhưng không có cây màu đỏ. Tú có một cây màu vàng. Tuệ có cây màu xanh biển nhưng không có cây màu xanh lá. Hỏi mỗi người có những cây bút màu nào?

Lời giải:

Tuấn có bút màu đỏ và xanh lá

Tú có bút màu đỏ và vàng

Tùng có bút màu xanh biển và xanh lá

Tuệ có bút màu xanh biển và vàng



PHẦN LỜI GIẢI – MÔN TIẾNG VIỆT

ĐỀ SỐ 1

BÀI 01.

- 1) A
- 2) B
- 3) A
- 4) B
- 5) Vừa bắt vừa hát hay
- 6) Chăm làm (chịu khó, siêng năng), vui vẻ (lạc quan, yêu đời), sạch sẽ.

BÀI 02. Tìm từ có âm đầu là ng hoặc ngh, theo gợi ý sau:

- a) Tên gọi con trâu lúc còn nhỏ: con **nghe**
- b) Tên một loại cây lương thực: cây **ngô**
- c) Tên một cây gia vị, củ có màu vàng: cây **ngệ**
- d) Tên một loại cá nước mặn: cá **ngừ**

BÀI 03. Gạch chân từ viết sai chính tả và sửa lại từ đó xuống dòng dưới.

- a) Mùa xuân đến, cây cối đâm trời, lấy lộc. (chồi, nảy)
- b) Mưa bụi giăng chên mặt hồ mờ ảo như xương khói. (trên, sương)

BÀI 04. Viết câu theo yêu cầu sau:

- a) Giới thiệu quê nội của em.

VD: Hà Tĩnh là quê nội của em.

Quê nội của em ở vùng biển Quảng Ninh.

- b) Giải thích lí do em thích một loài hoa có trong mùa xuân.

Em thích hoa đào vì nó báo mùa xuân đã đến.

Em thích hoa thược dược vì màu sắc của nó rất đẹp.

- c) Nói về cảm xúc của em sau khi đọc một câu chuyện cổ tích.

Em rất thương người em trong câu chuyện Cây khế.

Câu chuyện Bông hoa cúc trắng làm em rất xúc động.



PHẦN LỜI GIẢI – MÔN TIẾNG VIỆT

ĐỀ SỐ 2

BÀI 01.

1. B
2. C
3. Mê mải say sưa
4. A
5. Bạn nhỏ rất yêu ông vì ông kể cho bạn nghe rất nhiều câu chuyện thú vị.

BÀI 02. Khoanh vào từ ngữ trước câu trả lời đúng:

1. C
2. C
3. A

BÀI 03. Tìm từ có âm đầu là *tr*, có nghĩa như sau:

- a) Vỏ của hạt thóc: **trấu**
- b) Tên một loại cây có lá ăn với cau, thường dùng trong cưới hỏi: **trầu không**

BÀI 04. Gạch chân từ viết sai chính tả và viết lại cho đúng sang bên cạnh.

- a) Tiếng khóc lỉ lon, mỗi lúc nghe một rõ hơn. (nỉ non)
- b) Tiếng chim kêu dú dít trên cành cây. (rú rít)

BÀI 05. Viết câu theo yêu cầu sau:

- a) Nói về một loại rau cải có âm đầu là **x**.

VD: **Cải xoăn** là loại rau em yêu thích.

- b) Nói về một loại quả có âm đầu là **s**

Quả sung ăn rất chất.

- c) Nói về độ chín của quả có âm đầu là **n**.

Quả có màu đen khi **chín nẫu**.

- d) Nói về thời tiết có âm đầu là **l**.

Người dân miền Trung phải chịu hậu quả **lũ lụt** nặng nề.



PHẦN LỜI GIẢI - MÔN TIẾNG ANH

TEST 3

PART A

1.	A	10.	D	19.	C	28.	D
2.	B	11.	A	20.	A	29.	A
3.	D	12.	D	21.	B	30.	D
4.	B	13.	A	22.	B	31.	B
5.	C	14.	C	23.	B	32.	C
6.	D	15.	C	24.	D	33.	A
7.	B	16.	A	25.	A	34.	B
8.	A	17.	A	26.	C	35.	A
9.	B	18.	A	27.	B		

PART B

36. Are the boy and the girl reading a book?
37. What is the cat doing?
38. How many gloves are there?
39. What's this?
40. What does he want?
41. She likes to sing a song.
42. Jane is wearing a blue dress.
43. Does Jack want a train?
44. He's washing his face in the bathroom.
45. How many apples are there on the table.

